

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 2410/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, Tuyến số 3 và Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ): Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ đối với hộ gia đình, cá nhân bà Nguyễn Thị Ban – Cư trú tại: Tổ 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu**

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, Tuyến số 3 và Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ): Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch Tuynen cũ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1022/TTr-TNMT ngày 24/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ban – Cư trú tại: Tổ 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 30.701.288 đồng.



(Bằng chữ: Ba mươi triệu bảy trăm linh một nghìn hai trăm tám mươi tám đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Quyết Tiến.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ban có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA thành phố;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

**Dự án: Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất thành phố Lai Châu: Tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch tuynen cũ**

*(Kèm theo Quyết định số: 2440/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	7	8	9=7*8	
1	<b>Hộ gia đình: Nguyễn Thị Ban (Lê Duy Phương)</b>					
	<b>Địa chỉ: Tổ 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu</b>					
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)</b>					<b>30,701,288</b>
<i>a</i>	<i>Về đất</i>					
1	Diện tích thu hồi (Gia đình hiến đất)	m <sup>2</sup>	12.8			
2	Loại đất					
	Đất ở đô thị (truy thu nghĩa vụ tài chính)	m <sup>2</sup>	12.8			
	Vị trí (VT1) Đường nhánh tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh đại lý YAMAHA) đến tiếp giáp nhà máy gạch tuynen cũ					
	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Vương Quốc Chấn ngày 05/7/2007. Đất của ông Chấn khai phá năm 1997.</p> <p>Đối chiếu với hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi của bà Phạm Thị Ban có 1 phần diện tích đang chồng lấn lên thửa 22 TBĐ 29 đang quy chủ đất DGT do UBND phường quản lý. Thực tế do hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ban đang sử dụng, có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>					
<i>b</i>	<i>Về tài sản vật kiến trúc (Tài sản xây dựng năm 2011, không bị lập biên bản xử lý vi phạm xây dựng, trước kế hoạch sử dụng đất, xây dựng đúng mục đích hỗ trợ bằng 100% theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					<b>30,374,888</b>
<i>I</i>	<i>Tài sản vật kiến trúc nằm trong phạm vi thu hồi</i>					
1	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp tôn nền láng VXM (5,0*2,0) cao 3,0	m <sup>2</sup>	10.00	563,200	5,632,000	
2	Bể ngầm có nắp BTCT (2*2*2)	m <sup>3</sup>	8.00	757,900	6,063,200	
3	Hàng rào lưới B40 (1,6*6,7)	m <sup>2</sup>	10.72	123,200	1,320,704	
4	Trụ công xây gạch bi (0,3*0,3*1,8)*4	m <sup>3</sup>	0.6	546,700	354,262	
5	Hàng rào khung sắt (1,2*4,5)	m <sup>2</sup>	5.40	605,000	3,267,000	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	7	8	9=7*8
6	Hỗ trợ di chuyển cửa sắt (1,4*1,7)	m <sup>2</sup>	2.38	290,400	691,152
<b>II</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp tôn nền láng VXM (5,0*3,0) cao 3,0	m <sup>2</sup>	15.00	563,200	8,448,000
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,3*9,0)	m <sup>2</sup>	11.70	83,600	978,120
3	Ống nhựa PVC Φ 110	m	12.00	65,818	789,816
4	Ống nhựa HDPE Φ21	m	12.00	5,273	63,276
5	Tường rào xây gạch đỏ (1,6*2,2)	m <sup>2</sup>	3.52	273,900	964,128
6	Nền Bt đá dăm dày 10cm (2,2*4,5)	m <sup>2</sup>	9.9	83600	827,640
7	Tấm đan BTCT (10*0,7*0,1)	m <sup>3</sup>	0.70	1,393,700	975,590
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>326,400</b>
1	Hoa cây cảnh	chậu	12.00	24,000	288,000
2	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	4.00	9,600	38,400



